

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 131/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 27-7-2022  
V/v ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đặng Hồ Điệp

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Nguyễn Thị Hồng Thúy

Bà Vũ Thị Minh Nguyệt.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử công khai vụ án thụ lý số 113/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2022/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thùy C; nơi cư trú: Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt và xin xét xử vắng mặt.

***- Bị đơn:*** Anh Phạm Văn T; nơi ĐKHKTT: Khu A, thị trấn T, huyện A, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Nhật Bản. Vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thùy C trình bày:*

Chị kết hôn với anh Phạm Văn T trên cơ sở tự nguyện của hai bên, tổ chức theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 10 năm 2016.

Quá trình chung sống của vợ chồng hạnh phúc từ đó cho đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, do anh T đi lao động ở Nhật Bản nên vợ chồng xa cách về tình cảm, không có sự tin tưởng nhau. Từ đó cho đến nay, vợ chồng sống ly thân. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Mặc dù mâu thuẫn của vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải nhưng không đạt kết quả. Chị chỉ biết anh T đi sinh sống, lao động ở Nhật Bản còn địa chỉ cụ thể ở đâu thì chị không rõ. Tuy nhiên, anh T vẫn liên lạc với bố mẹ đẻ anh là ông Phạm Văn Yêm và bà Trần Thị Tân. Nay, chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên chị đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh T để chị nhanh chóng ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị xin tự giải quyết với anh T về tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đối với bị đơn - anh Phạm Văn T:*

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý cho bố mẹ anh T là ông Phạm Văn Yêm và bà Trần Thị Tân. Tòa án đã 2 lần thông báo cho ông Phạm Văn Yêm và bà Trần Thị Tân cung cấp địa chỉ của anh T ở Nhật Bản và yêu cầu ông Phạm Văn Yêm và bà Trần Thị Tân cho biết kết quả về việc ông bà đã thông báo cho anh T để gửi lời khai về Tòa án. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai của bà Trần Thị Tân thể hiện: Anh T vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, nhưng gia đình không biết địa chỉ cụ thể anh T ở Nhật Bản. Gia đình **đã thông báo cho anh T về yêu cầu của Tòa án**. Anh T có quan điểm: Anh T đồng ý ly hôn với chị C nhưng anh không thể gửi lời khai về cho Tòa án vì công việc của anh bận, điều kiện đi lại khó khăn. Bà Trần Thị Tân đề nghị Tòa án giải quyết cho chị C và anh T được ly hôn càng sớm càng tốt để anh chị ổn định cuộc sống.

Tại Công văn số 11421/QLXNC-P5 ngày 03/6/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an thể hiện: Anh Phạm Văn T đã xuất nhập cảnh 05 lần, xuất cảnh gần nhất ngày 13/11/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thùy C và anh Phạm Văn T đều vắng mặt và chị C xin xét xử vắng mặt, không thay đổi lời khai như đã gửi Tòa án.

*Phát biểu của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng:*

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử cấp sơ thẩm đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa

không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là đúng theo quy định tại **Điều 227 và Điều 228** Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thùy C và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 10 năm 2016 là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thùy C. Về con chung: Chị C xác nhận không có con chung với anh T và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Về tài sản chung: Chị C xin tự giải quyết với anh T về tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án về việc ly hôn. Bị đơn anh Phạm Văn T có hộ khẩu thường trú và có nơi cư trú cuối cùng ở thành phố Hải Phòng nhưng hiện đang sinh sống ở nước ngoài (Nhật Bản), nguyên đơn chị Nguyễn Thùy C hiện nay đang sinh sống tại Việt Nam, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 37; điểm d khoản 1 Điều 469 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Về việc vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thùy C và anh Phạm Văn T đều vắng mặt, chị C đề nghị xét xử vắng mặt. Việc tổng đạt, thông báo các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn T: Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng anh Phạm Văn T vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. **Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự**, Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Tài liệu trong hồ sơ vụ án thể hiện: Chị Nguyễn Thùy C và anh Phạm Văn T xây dựng gia đình với nhau tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng vào ngày 20 tháng 10 năm 2016 theo quy định tại **Điều 8, Điều 9** của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống của vợ chồng thể hiện: Vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị Nguyễn Thùy C sinh sống ở Việt Nam còn anh Phạm Văn T sinh sống ở Nhật Bản. Chính sự xa cách về địa lý

nên dẫn đến vợ chồng không tin tưởng nhau về tình cảm, việc liên lạc, quan tâm đến nhau bị hạn chế. Vợ chồng đã cố gắng hòa hợp song mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân với nhau được một khoảng thời gian, mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hai bên hòa giải song không đạt kết quả. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị C và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ cần áp dụng Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị Nguyễn Thùy C được ly hôn với anh Phạm Văn T.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thùy C xác nhận không có con chung với anh Phạm Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy C xin tự giải quyết về tài sản chung với anh Phạm Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy C là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thùy C và anh Phạm Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 35; khoản 4 Điều 147; Điều 207; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 273; điểm d khoản 1 Điều 469; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thùy C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thùy C được ly hôn anh Phạm Văn T.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thùy C xác nhận không có con chung với anh Phạm Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thùy C xin tự giải quyết về tài sản chung với anh Phạm Văn T, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Nguyễn Thùy C phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0000477 ngày 18 tháng 5 năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Chị Nguyễn Thùy C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thùy C (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Anh Phạm Văn T (vắng mặt) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND TP Hải Phòng;
- Cục THADS TP Hải Phòng;
- UBND thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, thành phố Hải Phòng;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đặng Hồ Điệp**





